

Số: 01/NQ-HĐND

Bình Định, ngày 23 tháng 3 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công
vốn ngân sách địa phương năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 10 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2022; Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2022; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2022;

Xét Tờ trình số 23/TTr-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 14/BC-KTNS ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh năm 2022, với các nội dung như sau:

1. Nguồn vốn bội chi ngân sách địa phương: Điều chỉnh giảm 101.976,503 triệu đồng.

(Chi tiết như phụ lục 01, 02 kèm theo).

2. Nguồn tiền sử dụng đất, cho thuê đất từ các dự án trên địa bàn tỉnh, nguồn thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước: Điều chỉnh giảm 240.616,067 triệu đồng.

(Chi tiết như phụ lục 01, 03 kèm theo).

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII Kỳ họp thứ 10 (kỳ họp chuyên đề) thông qua và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 3 năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ (báo cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT;
- TT. Tỉnh ủy (b/cáo); TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành liên quan;
- VP Tỉnh ủy, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Hồ Quốc Dũng



Phụ lục 01

ĐIỀU CHỈNH TỔNG NGUỒN KẾ HOẠCH NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 23/3 /2023 của HĐND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn/danh mục	Kế hoạch đầu tư công năm 2022	Điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	7.361.018,507	-342.592,570	7.018.425,937	
	<i>Trong đó:</i>				
I	Bội chi ngân sách	162.300,000	-101.976,503	60.323,497	Chi tiết tại phụ lục 02
II	Nguồn thu tiền sử dụng đất từ các dự án trên địa bàn tỉnh, nguồn thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp.	2.235.202,178	-240.616,067	1.994.586,111	
1	Nguồn thu tiền sử dụng đất từ các dự án trên địa bàn tỉnh	1.359.853,064	-240.616,067	1.119.236,997	Chi tiết tại phụ lục 03
2	Nguồn thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp.	875.349,114		875.349,114	

Handwritten signature and initials.

**ĐANH MỤC ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2022
NGUỒN BỘI CHI NGÂN SÁCH**

(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 23/3 /2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2022	Điều chỉnh	Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
	TỔNG SỐ	162.300,000	-101.976,503	60.323,497	
1	Dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiêu dự án thành phố Quy Nhơn	71.839,000	-24.425,689	47.413,311	
2	Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	4.783,000	-4.783,000	-	
3	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) - Dự án thành phần tỉnh Bình Định	85.678,000	-72.767,814	12.910,186	

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2022
TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT TỪ CÁC DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ, NGUỒN THOẢI
VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 23/3/2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2022	Điều chỉnh	Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
	TỔNG SỐ	2.235.202,178	-240.616,067	1.994.586,111	
A	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TỪ CÁC DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH	1.359.853,064	-240.616,067	1.119.236,997	
I	CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH, CHUYÊN TIẾP	667.776,678	-80.290,443	587.486,235	
1.1	GAO THÔNG VẬN TẢI	507.611,832	-27.240,322	480.371,510	
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trần Nhân Tông, thành phố Quy Nhơn (đoạn từ khu dân cư phía Đông Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng đến hết Cầu số 2 qua sông Hà Thanh)	16.000,000		16.000,000	
2	Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh	71.000,000		71.000,000	
3	Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn Đê Gi - Mỹ Thành	100.000,000		100.000,000	
4	Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đê Gi	94.923,396		94.923,396	
5	Hoàn trả tuyến đường từ nghĩa trang liệt sỹ An Hòa đến công trình hồ chứa nước Đồng Mít	7.900,000		7.900,000	
6	Nâng cấp mở rộng đường ĐT.630 kết nối trung tâm huyện Hoài Ân với thị xã Hoài Nhơn (qua cầu Phú Văn)	4.000,000		4.000,000	
7	Dự án Sửa chữa nâng cấp tuyến đường Nhơn Hội - Nhơn Hải (đoạn từ Khu du lịch Hải Giang đến nút giao với đường N1)	34.000,000	-9.025,000	24.975,000	
8	Dự án Tuyến đường trục Khu kinh tế nối dài từ Km0+00 đến Vịnh Mai Hương	20.211,832	-18.215,322	1.996,510	
9	Quốc lộ 19 (đoạn từ cảng Quy Nhơn đến giao Quốc lộ 1)	89.576,604		89.576,604	
10	Đường Điện Biên Phủ nối dài đến Khu Đô thị Diêm Văn	70.000,000		70.000,000	
1.2	HẠ TẦNG KỸ THUẬT, KHU DÂN CƯ, KHU TÁI ĐỊNH CƯ	101.164,846	-38.050,121	63.114,725	
1	Hạ tầng kỹ thuật Phân khu số 5 Khu đô thị mới Nhơn Hội	1.262,875		1.262,875	
2	Hạ tầng kỹ thuật Phân khu số 8 Khu đô thị mới Nhơn Hội	155,311		155,311	
3	Khu dân cư dọc tuyến đường nối từ Đường trục KKT đến Khu tâm linh chùa Linh Phong	8.441,439		8.441,439	
4	Hạ tầng kỹ thuật khu đất ở, dịch vụ thương mại tại Km0+280, đường trục Khu kinh tế nối dài	50.000,000	-15.050,121	34.949,879	
5	Khu dân cư và tái định cư Vĩnh Hội	24.411,402	-20.000,000	4.411,402	
6	Khu tái định cư Nhơn Phước mở rộng về phía Bắc	14.878,143	-3.000,000	11.878,143	
7	Sửa chữa, nâng cấp Khu tái định cư Cát Tiến (Khu 2)	2.015,676		2.015,676	
1.3	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	29.000,000	0,000	29.000,000	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2022	Điều chỉnh	Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
1	Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và GPMB Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	4.000,000		4.000,000	
2	Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	25.000,000		25.000,000	
I.4	QLNN - QPAN	30.000,000	-15.000,000	15.000,000	
1	Trụ sở làm việc Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Bình Định	30.000,000	-15.000,000	15.000,000	
I.5	VĂN HÓA VÀ THỂ THAO	4.000,000	-1.204,708	2.795,292	
1	Xây dựng, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích tại tháp Bánh Ít	802,367	-802,367	-	
2	Sửa chữa Sân Vận động Quy Nhơn	2.795,292		2.795,292	
3	Khu di tích mộ Võ Xán	127,940	-127,940	-	
4	Đền thờ anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực	274,401	-274,401	-	
II	CÁC DỰ ÁN KHÔI CÔNG MỚI NĂM 2022	456.223,322	-159.120,916	297.102,406	
II.1	GLAO THÔNG VẬN TẢI	150.079,444	-43.600,000	106.479,444	
1	Tuyến đường tránh ĐT.633, đoạn từ Núi Ghènh đến giáp đường ven biển (ĐT.639)	70.000,000	-20.000,000	50.000,000	
2	Xây dựng cầu từ thôn 11 xã Mỹ Thắng đi xã Mỹ Đức, huyện Phù Mỹ	17.263,260	-2.263,260	15.000,000	
3	Sửa chữa, mở rộng cầu Phụ Ngọc	15.000,000	-5.000,000	10.000,000	
4	Nâng cao độ nền mặt đường tuyến ĐT 640 đoạn Km 18+178 - Km 19+231	12.736,740	-2.736,740	10.000,000	
5	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT 636, đoạn qua xã Phước Hòa, Phước Hưng thuộc địa bàn huyện Tuy Phước	1.000,000		1.000,000	
6	Đường kết nối thị trấn An Lão với đường An Hòa đi Ân Hảo Tây	20.000,000	-13.600,000	6.400,000	
7	Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định	3.500,000		3.500,000	
8	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường ĐT.639 (tuyến Nhơn Hội - Tam Quan) đoạn Km0+450 - Km5+00	10.579,444		10.579,444	
II.2	HẠ TẦNG KỸ THUẬT, KHU DÂN CƯ, KHU TÁI ĐỊNH CƯ	180.543,878	-100.320,916	80.222,962	
1	Khu vực 01, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới) xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	100.000,000	-78.420,916	21.579,084	
2	Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới) xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước (giai đoạn 1)	22.000,000	-12.000,000	10.000,000	
3	Hạ tầng kỹ thuật Khu Cải táng thuộc Nghĩa trang nhân dân huyện Tuy Phước	10.000,000	-5.000,000	5.000,000	
4	Dự án Sửa chữa nâng cấp Khu tái định cư Cát Tiến (Khu 1)	48.543,878	-4.900,000	43.643,878	
II.3	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	67.100,000	0,000	67.100,000	
1	Cải tạo hệ thống tiêu thoát lũ và kết nối giao thông hai bờ Suối Trầu Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn	1.600,000		1.600,000	
2	Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn	65.500,000		65.500,000	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2022	Điều chỉnh	Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
II.4	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - QUỐC PHÒNG, AN NINH	50.500,000	(12.000,000)	38.500,000	
1	Doanh trại Ban CHQS thị xã Hoài Nhơn	5.000,000	-3.000,000	2.000,000	
2	Đại đội VKĐ (K6): Tường rào vòng ngoài, Hệ thống cấp nước phòng cháy chữa cháy, Nâng cấp mở rộng trạm bảo dưỡng vũ khí; Nhà kho vật chất SSCĐ, Nhà ở chiến sĩ; Nhà vệ sinh; Nhà gác công; Hạ tầng kỹ thuật, Đường bê tông nội bộ tuần tra khu kỹ thuật.	3.500,000		3.500,000	
3	Cải tạo, sửa chữa Bia lưu niệm nơi thành lập LLVT tỉnh	1.000,000		1.000,000	
4	Xây dựng trụ sở làm việc phục vụ công tác cho Công an các xã trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	35.000,000	-6.500,000	28.500,000	
5	Sửa chữa, cải tạo Nhà làm việc P.Tham mưu, Làm sa bàn, Nhà huấn luyện A2, Hạ tầng kỹ thuật Bộ CHQS tỉnh	3.000,000	-1.000,000	2.000,000	
6	Công trình: Sh03-BĐ2021	3.000,000	-1.500,000	1.500,000	
II.5	Y TẾ	8.000,000	-3.200,000	4.800,000	
1	Bệnh viện Lao và bệnh phổi Bình Định	5.000,000	-2.000,000	3.000,000	
2	Bệnh viện Tâm thần Bình Định	3.000,000	-1.200,000	1.800,000	
II.7	Hoàn trả tạm ứng hỗ trợ, bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án của tỉnh	225.887,224		225.887,224	
II.8	Hoàn trả tạm ứng Chương trình bê tông xi măng GTNT và Kiên cố hóa kênh mương	5.965,840		5.965,840	
B	NGUỒN THOẢI VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP	875.349,114		875.349,114	

Handwritten signature